

Số: 202/QĐ-HĐQT

An Giang, ngày 01 tháng 06 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**

(Về việc ban hành Quy chế Công bố thông tin sửa đổi, bổ sung lần thứ nhất)

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020; Luật số 76/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán, Luật kế toán, Luật kiểm toán độc lập, Luật ngân sách nhà nước, Luật quản lý, sử dụng tài sản công, Luật quản lý thuế, Luật thuế thu nhập cá nhân, Luật dự trữ quốc gia, Luật xử lý vi phạm hành chính;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ và các Quy chế nội bộ của Công ty CP Xuất nhập khẩu An Giang (“Công ty” hoặc “Angimex”);
- Căn cứ Nghị quyết số 29/NQ-HĐQT ngày 01/06/2026 của Hội đồng quản trị Công ty.

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế Công bố thông tin Sửa đổi, bổ sung lần thứ nhất” Công ty CP Xuất nhập khẩu An Giang.

**Điều 2.** Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký Quyết định ban hành, đồng thời “Quy chế công bố thông tin” ban hành theo Quyết định số 668/QĐ-HĐQT ngày 11/9/2018 của Hội đồng quản trị Công ty sẽ hết hiệu lực.

**Điều 3.** Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Người thực hiện CBTT Công ty CP Xuất nhập khẩu An Giang và các đơn vị, cá nhân có trách nhiệm chấp hành và thực hiện theo quyết định này.

Nơi nhận :

- Như trên,
- Lưu : VT

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Lương Đức Tâm**



**ANGIMEX**

sow the seeds for your future

# QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN

CÔNG TY CỔ PHẦN

XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

*(Sửa đổi, bổ sung lần thứ nhất)*

(Đã được Hội đồng quản trị thông qua và được ban hành theo Quyết định số 20/QĐ-  
HDQT ngày 01/6/2026 của Hội đồng quản trị)

## MỤC LỤC

<b>CHƯƠNG 1 – CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ CÓ LIÊN QUAN</b>	<b>3</b>
Khi các văn bản pháp lý nêu trên có sự điều chỉnh hay có sự thay thế, Quy chế này sẽ áp dụng các văn bản được điều chỉnh hay thay thế đó.	4
<b>CHƯƠNG 2 – QUY ĐỊNH CHUNG</b>	<b>4</b>
Điều 1. Mục đích	4
Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	4
Điều 3. Giải thích từ ngữ và chữ viết tắt	5
Điều 4. Nguyên tắc công bố thông tin	5
Điều 5. Ngôn ngữ công bố thông tin trên thị trường chứng khoán	6
Điều 6. Người thực hiện công bố thông tin	7
Điều 7. Các phương tiện báo cáo, công bố thông tin	8
Điều 8. Quy định về tài liệu công bố thông tin	8
Điều 9. Cách thức gửi thông tin công bố	8
Điều 10. Tạm hoãn công bố thông tin	9
<b>CHƯƠNG 3 – CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG</b>	<b>10</b>
Điều 11. Công bố thông tin định kỳ	10
Điều 12. Công bố thông tin bất thường	13
Điều 13. Công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 14. Công bố thông tin theo yêu cầu	16
Điều 15. Công bố thông tin về các hoạt động khác	16
<b>CHƯƠNG 4 – CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC</b>	<b>18</b>
Điều 16. Công bố thông tin của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty đại chúng; nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty	18
Điều 17. Công bố thông tin về giao dịch của Người nội bộ và Người có liên quan của Người nội bộ	18
Điều 18. Công bố thông tin về giao dịch chào mua công khai	18
<b>CHƯƠNG 5 – QUY TRÌNH CBTT VÀ TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN</b>	<b>19</b>
Điều 19. Quy trình công bố thông tin và trách nhiệm thực hiện trong nội bộ Công ty	19
Điều 20. Quy trình công bố thông tin đối với đối tượng khác (Các đối tượng khác nêu tại Khoản 2 – Điều 2 Quy chế này)	21
<b>CHƯƠNG 6 - SỬA ĐỔI QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN</b>	<b>21</b>
Điều 21. Bổ sung và sửa đổi Quy chế công bố thông tin	21
Điều 22. Ngày hiệu lực	22

## CHƯƠNG 1 – CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ CÓ LIÊN QUAN

1. Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019 và Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán, Luật kế toán, Luật kiểm toán độc lập, Luật ngân sách nhà nước, Luật quản lý, sử dụng tài sản công, Luật quản lý thuế, Luật thuế thu nhập cá nhân, Luật dự trữ quốc gia, Luật xử lý vi phạm hành chính;
2. Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020 và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp;
3. Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
4. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
5. Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 19/8/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.
6. Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;
7. Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế;  
và Nghị định số 65/2022/NĐ-CP ngày 16/9/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020;
8. Quy chế công bố thông tin tại Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con ban hành theo Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam;  
và Quyết định số 31/QĐ-HĐTV ngày 31/3/2026 của Hội đồng thành viên Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế Công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và công ty con;
9. Nghị định số 08/2023/NĐ-CP ngày 05/3/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung và ngưng hiệu lực thi hành một số điều tại các Nghị định quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế;
10. Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/9/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
11. Thông tư số 18/2025/TT-BTC ngày 26/4/2025 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 119/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán, Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn

- công bố thông tin trên thị trường chứng khoán đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/9/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;
12. Thông tư số 19/2025/TT-BTC ngày 05/5/2025 của Bộ Tài chính quy định việc đăng ký công ty đại chúng, hủy tư cách công ty đại chúng, báo cáo về vốn điều lệ đã góp được kiểm toán;
  13. Thông tư số 08/2026/TT-BTC ngày 03/02/2026 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 68/2024/TT-BTC và Thông tư số 18/2025/TT-BTC, Thông tư số 120/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định giao dịch cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch và chứng chỉ quỹ, trái phiếu doanh nghiệp, chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên hệ thống giao dịch chứng khoán được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 68/2024/TT-BTC, Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hoạt động của công ty chứng khoán được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 68/2024/TT-BTC;
  14. Các văn bản pháp luật khác liên quan và các quy chế công bố thông tin được ban hành bởi các Sở giao dịch chứng khoán và Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam
- Khi các văn bản pháp lý nêu trên có sự điều chỉnh hay có sự thay thế, Quy chế này sẽ áp dụng các văn bản được điều chỉnh hay thay thế đó.

## CHƯƠNG 2 – QUY ĐỊNH CHUNG

### Điều 1. Mục đích

- Đảm bảo công khai, minh bạch và kịp thời thông tin đến nhà đầu tư;
- Tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật về công bố thông tin;
- Quy định việc phối hợp quan hệ công tác giữa các phòng, ban, bộ phận của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang trong việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin.

### Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

#### 1. Phạm vi:

Áp dụng cho Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang, Mã chứng khoán “AGM”, là công ty đại chúng quy mô lớn đăng ký giao dịch cổ phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán chưa niêm yết (UPCoM);

#### 2. Đối tượng áp dụng: Các đối tượng công bố thông tin theo Quy chế này bao gồm:

- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang (sau đây gọi tắt là Công ty);
- Nhà đầu tư có liên quan đến cổ phiếu của Công ty thuộc đối tượng công bố thông tin theo quy định của pháp luật, bao gồm:
  - Người nội bộ của Công ty và Người có liên quan của Người nội bộ;
  - Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
  - Cổ đông, nhóm người có liên quan mua vào để sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty;
  - Tổ chức, cá nhân thực hiện chào mua công khai cổ phiếu của Công ty;
  - Tổ chức, cá nhân có liên quan khác theo quy định của pháp luật.

*(Theo quy định tại Khoản 3 – Điều 3 Thông tư 96/2020/TT-BTC)*

3. Trong trường hợp có sự mâu thuẫn giữa các quy định tại Quy chế này với Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, các quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và Điều lệ Công ty thì những quy định tại Luật doanh nghiệp 2020, Luật chứng khoán, các quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và Điều lệ Công ty được ưu tiên áp dụng.

### **Điều 3. Giải thích từ ngữ và từ viết tắt**

#### **1. Giải thích từ ngữ:**

- **Người nội bộ của Công ty** là người giữ vị trí quan trọng trong bộ máy quản trị, điều hành của Công ty, gồm các cá nhân theo quy định tại Điểm a - Khoản 45 - Điều 4 Luật Chứng khoán như sau:

Người nội bộ của Công ty là Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng thành viên, người đại diện theo pháp luật, Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty bổ nhiệm; Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên), thành viên Ban kiểm toán nội bộ; Thư ký công ty, Người phụ trách quản trị công ty, Người được ủy quyền công bố thông tin.

*(Theo quy định tại Khoản 45 - Điều 4 Luật Chứng khoán)*

- **Người có liên quan** là cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 46 - Điều 4 Luật Chứng khoán và Khoản 23 - Điều 4 Luật Doanh nghiệp.
- **Nhóm người / Nhóm nhà đầu tư có liên quan:** là các cá nhân, tổ chức có liên quan với nhau theo quy định tại Khoản 46 – Điều 4 Luật Chứng khoán

*(Theo giải thích tại Khoản 2 - Điều 2 Quy chế CBTT được ban hành theo Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 của Sở GDCK VN)*

- **Ngày công bố thông tin, Ngày báo cáo, Ngày thực hiện giao dịch chứng khoán, Ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán** được giải thích tuân tự tại Khoản 5, Khoản 6, Khoản 11, Khoản 12 – Điều 3 Thông tư 96/2020/TT-BTC;
- **Hệ thống giao dịch UPCoM:** là hệ thống giao dịch cho chứng khoán chưa niêm yết do Sở GDCK Hà Nội tổ chức, vận hành;

*(Theo giải thích tại Khoản 4 - Điều 2 Quy chế CBTT được ban hành theo Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 của Sở GDCK VN)*

- Các từ ngữ chưa được giải thích tại Quy chế này được hiểu theo các quy định pháp luật tại từng thời kỳ, theo Điều lệ và các quy định nội bộ có liên quan của Công ty.

#### **2. Các từ viết tắt**

- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- HĐQT : Hội đồng quản trị
- UBCKNN : Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở GDCK : Sở Giao dịch Chứng khoán
- TGD : Tổng Giám đốc
- VSDC : Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam

### **Điều 4. Nguyên tắc công bố thông tin**

1. Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác và kịp thời theo quy định của pháp luật. Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm: Căn cước công dân, Hộ chiếu còn hiệu lực,

- địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, thư điện tử, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng chỉ được thực hiện nếu cá nhân đó đồng ý.
2. Đối tượng công bố thông tin chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, đối tượng công bố thông tin phải công bố thông tin kịp thời, đầy đủ nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó.
  3. Khi công bố thông tin, đồng thời báo cáo UBCKNN và Sở GDCK nơi chứng khoán đó đăng ký giao dịch về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại Khoản 1 Điều này và các đối tượng công bố thông tin không đồng ý công khai các thông tin này thì phải gửi UBCKNN và Sở GDCK 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản không bao gồm thông tin cá nhân để UBCKNN và Sở GDCK thực hiện công khai thông tin.
  4. Việc công bố thông tin của Công ty phải do Người đại diện theo pháp luật hoặc Người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện.
  5. Việc công bố thông tin của cá nhân do cá nhân tự thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức hoặc cá nhân khác thực hiện.
  6. Các đối tượng công bố thông tin có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ thông tin đã công bố như sau:
    - Các thông tin công bố định kỳ, thông tin về việc đăng ký công ty đại chúng: Được lưu giữ dưới dạng văn bản và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của đối tượng công bố thông tin tối thiểu là 05 năm.
    - Các thông tin công bố bất thường, theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác: Được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của đối tượng công bố thông tin tối thiểu là 05 năm.

*(Các Khoản trên theo quy định tại Điều 4 – Thông tư 96/2020/TT-BTC)*

#### **Điều 5. Ngôn ngữ công bố thông tin trên thị trường chứng khoán**

1. Ngôn ngữ công bố thông tin trên thị trường chứng khoán là tiếng Việt. Công ty (là Công ty đại chúng) thực hiện công bố thông tin đồng thời bằng tiếng Anh theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 – Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/9/2024 của Bộ Tài chính. Thông tin công bố bằng tiếng Anh phải bảo đảm thống nhất với nội dung thông tin công bố bằng tiếng Việt. Trường hợp có sự khác biệt hoặc có cách hiểu khác giữa thông tin bằng tiếng Việt và tiếng Anh thì thông tin bằng tiếng Việt được áp dụng.
2. Công ty (là Công ty đại chúng) công bố thông tin bằng tiếng Anh, cụ thể lộ trình như sau:
  - a. Công ty đại chúng quy mô lớn công bố thông tin định kỳ đồng thời bằng tiếng Anh;
  - b. Công ty đại chúng không thuộc đối tượng quy định tại Điểm a Khoản này công bố thông tin định kỳ đồng thời bằng tiếng Anh kể 01/01/2027; công bố thông tin bất thường, công bố thông tin theo yêu cầu và công bố thông tin về các hoạt động khác của công ty đại chúng đồng thời bằng tiếng Anh kể từ ngày 01/01/2028.

*(Theo quy định tại Khoản 2 - Điều 1 – Quyết định số 31/QĐ-HĐTV ngày 31/3/2026 của Sở GDCK Việt Nam)*

**Điều 6. Người thực hiện công bố thông tin**

**1. Công ty thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin thông qua 01 người đại diện theo pháp luật hoặc 01 cá nhân là người được ủy quyền công bố thông tin của Công ty.**

- a. Người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời của thông tin do Người được ủy quyền công bố thông tin công bố. Trường hợp phát sinh sự kiện công bố thông tin mà Người đại diện theo pháp luật và Người được ủy quyền công bố thông tin đều vắng mặt thì thành viên giữ chức vụ cao nhất của Ban Điều hành có trách nhiệm thay thế thực hiện công bố thông tin. Trường hợp có hơn 01 người giữ chức vụ cao nhất, các thành viên còn lại của Ban Điều hành phải thực hiện bầu hoặc chỉ định 01 người chịu trách nhiệm công bố thông tin.
- b. Công ty phải báo cáo, báo cáo lại thông tin về Người thực hiện công bố thông tin cho UBCKNN và Sở GDCK trong thời hạn 24 giờ kể từ khi việc chỉ định, ủy quyền hoặc thay đổi Người thực hiện công bố thông tin có hiệu lực. Nội dung thông tin báo cáo về Người thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Điểm b – Khoản 1 – Điều 6 Thông tư 96/2020/TT-BTC.

**2. Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin là cá nhân**

Có thể tự thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin hoặc ủy quyền cho 01 tổ chức (công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đại chúng, thành viên lưu ký, Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam hoặc tổ chức khác) hoặc 01 cá nhân khác thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin như được quy định tại Khoản 2 – Điều 6 Thông tư 96/2020/TT-BTC.

*(Theo quy định tại Khoản 2 Điều 6 – Thông tư 96/2020/TT-BTC)*

Tổ chức, cá nhân được ủy quyền công bố thông tin từ các nhà đầu tư cá nhân, thực hiện gửi Giấy ủy quyền/Hợp đồng ủy quyền hợp lệ theo quy định của pháp luật đến Sở GDCK nơi có nghĩa vụ công bố thông tin trong lần công bố thông tin đầu tiên và thông báo chấm dứt việc ủy quyền trong lần công bố thông tin cuối cùng.

*(Theo quy định tại Khoản 3 – Điều 5 của Quy chế CBTT được ban hành theo Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 của Sở GDCK VN)*

**3. Nhà đầu tư nước ngoài, nhóm nhà đầu tư nước ngoài**

Thực hiện nghĩa vụ báo cáo và công bố thông tin theo quy định của Thông tư 96/2020/TT-BTC và pháp luật về hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam

*(Theo quy định tại Khoản 3 – Điều 6 của Thông tư 96/2020/TT-BTC)/TT-BTC)*

Người thực hiện công bố thông tin của nhà đầu tư nước ngoài, nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 5 – Thông tư số 51/2021/TT-BTC và Khoản 2 Điều 1 – Thông tư số 20/2025 ngày 05/5/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 51/2021/TT-BTC ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

*(Theo quy định tại Khoản 3 Điều 1 – Quyết định số 31/QĐ-HDTV ngày 31/3/2026 về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế CBTT tại Sở GDCK Việt Nam và công ty con được ban hành kèm theo Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 của Tổng Giám đốc Sở GDCK Việt Nam)*

## **Điều 7. Các phương tiện báo cáo, công bố thông tin**

1. Công ty phải lập trang thông tin điện tử theo quy định được nêu tại Khoản 2 – Điều 7 Thông tư 96/2020/TT-BTC.
2. Công ty thực hiện công bố thông tin, báo cáo trên các phương tiện quy định, bao gồm:
  - a. Trang thông tin điện tử (website) của Công ty;
  - b. Hệ thống công bố thông tin của UBCKNN (Hệ thống IDS);
  - c. Trang thông tin điện tử của Sở GDCK, phương tiện công bố thông tin khác theo Quy chế của Sở GDCK;
  - d. Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định pháp luật (báo in, báo điện tử, ...)
3. Trường hợp nghĩa vụ công bố thông tin phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật, Công ty thực hiện công bố thông tin trên phương tiện quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật vào ngày làm việc liền sau ngày nghỉ, ngày lễ.
4. Trường hợp nghĩa vụ công bố thông tin phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật của các đối tượng không thuộc trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật vào ngày làm việc liền sau ngày nghỉ, ngày lễ.

*(Các Điều trên theo quy định tại Điều 7 – Thông tư 96/2020/TT-BTC)*

## **Điều 8. Quy định về tài liệu công bố thông tin**

Tài liệu công bố thông tin thể hiện dưới hình thức văn bản và/hoặc dữ liệu điện tử phải đáp ứng các quy định sau:

### **1. Đối với tài liệu dưới hình thức văn bản:**

- a. Văn bản đầy đủ nội dung và hợp lệ theo quy định của pháp luật. Văn bản hợp lệ bao gồm bản chính hợp lệ và bản sao hợp lệ.
- b. Yêu cầu đối với văn bản hợp lệ:
  - Đối với văn bản của cá nhân: Văn bản có họ tên, chữ ký của cá nhân;
  - Đối với văn bản của tổ chức: Văn bản có xác nhận của người có thẩm quyền, bao gồm: chức vụ, họ tên, chữ ký của người có thẩm quyền, đóng dấu (nếu có).

### **2. Đối với tài liệu dưới hình thức dữ liệu điện tử:**

Các đối tượng công bố thông tin gửi thông tin công bố dưới dạng dữ liệu điện tử đến Sở GDCK tuân theo quy định sau:

- a. Dữ liệu điện tử có định dạng word/excel/pdf (word, excel sử dụng bảng mã Unicode);
- b. Trường hợp dữ liệu điện tử gửi qua Hệ thống CIMS, định dạng thông tin công bố thực hiện theo quy định của Hệ thống CIMS;
- c. Dung lượng tối đa của dữ liệu điện tử là 15MB, trường hợp dung lượng của dữ liệu điện tử lớn hơn mức tối đa, Công ty thực hiện cung cấp đường dẫn đến địa chỉ website có đăng tải toàn bộ nội dung thông tin công bố.

*(Theo quy định tại Điều 6 – Quy chế CBTT tại Sở GDCK Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 606/QĐ-SGDHN ngày 29/9/2016 của TGD Sở GDCK Hà Nội)*

## **Điều 9. Cách thức gửi thông tin công bố**

1. Trường hợp đã đăng ký sử dụng hệ thống công bố thông tin điện tử:

Các đối tượng công bố thông tin thực hiện theo quy định tại Khoản 10 Điều 7 - Thông tư số 96/2020/TT-BTC và theo hướng dẫn sử dụng hệ thống công bố thông tin điện tử của Sở GDCK nơi có nghĩa vụ công bố thông tin.

Trường hợp không thể gửi thông tin công bố qua hệ thống công bố thông tin điện tử vì lý do bất khả kháng như hệ thống mạng, máy chủ gặp sự cố, không thể sử dụng chứng thư số, tạm ngưng hoạt động theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền..., Công ty có trách nhiệm gửi thông tin công bố bằng văn bản qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Sở GDCK nơi có nghĩa vụ công bố thông tin đồng thời gửi bản dữ liệu điện tử qua thư điện tử đúng thời hạn quy định và thông báo ngay cho Sở GDCK nơi có nghĩa vụ công bố thông tin biết lý do không thể thực hiện gửi thông tin công bố qua hệ thống công bố thông tin điện tử để Sở GDCK hướng dẫn hoặc khắc phục sự cố (nếu cần).

*(Theo quy định tại Khoản 2 - Điều 7 – Quy chế CBTT được ban hành theo Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 của Sở GDCK VN)*

Những tổ chức đã đăng ký sử dụng Hệ thống CIMS được phép gửi thông tin công bố của đơn vị mình và thông tin công bố nhận ủy quyền từ các đối tượng công bố thông tin là cá nhân (cổ đông lớn, người nội bộ và người có liên quan) thông qua hệ thống CIMS.

Thông tin công bố gửi qua Hệ thống CIMS được miễn gửi văn bản, ngoại trừ các loại báo cáo sau:

- Báo cáo tài chính kiểm toán năm
- Báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét

*(Theo quy định tại Điều 7 – Quy chế CBTT tại Sở GDCK Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 606/QĐ-SGDHN ngày 29/9/2016 của TGD Sở GDCK Hà Nội)*

## **2. Trường hợp chưa đăng ký sử dụng hệ thống công bố thông tin điện tử:**

Công ty chưa đăng ký sử dụng hệ thống công bố thông tin điện tử và cá nhân gửi thông tin công bố đồng thời dưới hình thức văn bản qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Sở GDCK nơi có nghĩa vụ công bố thông tin kèm theo tệp tin dữ liệu điện tử tới địa chỉ thư điện tử của Sở GDCK nơi có nghĩa vụ công bố thông tin.

Trường hợp Công ty chưa đăng ký sử dụng hệ thống công bố thông tin điện tử và cá nhân có thực hiện gửi báo cáo Sở GDCK nơi có nghĩa vụ công bố thông tin thông qua hình thức fax hoặc qua thư điện tử trước thời điểm Sở GDCK nhận được bản giấy thì ngày báo cáo với Sở GDCK được xác định tùy theo thời điểm nào đến trước theo quy định tại Khoản 6 Điều 3 – Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

Trường hợp cá nhân thực hiện ủy quyền hợp lệ theo quy định tại Khoản 2 Điều 6 – Thông tư số 96/2020/TT-BTC cho 01 tổ chức đã đăng ký sử dụng hệ thống công bố điện tử của Sở GDCK theo quy định tại Khoản 1 Điều này thực hiện theo hướng dẫn sử dụng hệ thống công bố thông tin của Sở GDCK nơi tổ chức đăng ký sử dụng hệ thống công bố thông tin

*(Theo quy định tại Khoản 4 - Điều 1 – Quyết định số 31/QĐ-HDTV ngày 31/3/2026 của Sở GDCK Việt Nam)*

## **Điều 10. Tạm hoãn công bố thông tin**

1. Công ty được tạm hoãn công bố thông tin trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng như: Thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh và các lý do bất khả kháng khác. Công ty

phải báo cáo UBCKNN, Sở GD&ĐT về việc tạm hoãn công bố thông tin ngay khi xảy ra sự kiện (trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn công bố thông tin), đồng thời công bố về việc tạm hoãn công bố thông tin.

2. Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, Công ty có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.

### **CHƯƠNG 3 – CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG**

#### **Điều 11. Công bố thông tin định kỳ**

##### **1. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận**

- a. Báo cáo tài chính phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp.

Do Công ty là công ty mẹ của tổ chức khác, nên phải công bố 02 báo cáo: Báo cáo tài chính năm của riêng đơn vị mình và Báo cáo tài chính năm hợp nhất theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp.

- b. Công ty thực hiện công bố thông tin về Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm cả Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính đó và văn bản giải trình của Công ty trong trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính.
- c. Thời hạn công bố Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán: Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính

*(Theo quy định tại Khoản 1 – Điều 10 Thông tư 96/2020/TT-BTC).*

##### **2. Báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận.**

- a. Báo cáo tài chính bán niên phải là Báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán “Báo cáo tài chính giữa niên độ”, trình bày số liệu tài chính trong 06 tháng đầu năm tài chính của Công ty, được lập theo quy định tại Điểm a – Khoản 1 Điều này.
- b. Báo cáo tài chính bán niên phải được soát xét theo Chuẩn mực về công tác soát xét báo cáo tài chính. Toàn văn Báo cáo tài chính bán niên phải được công bố đầy đủ, kèm theo kết luận soát xét và văn bản giải trình của Công ty trong trường hợp kết luận soát xét không phải là kết luận chấp nhận toàn phần;
- c. Thời hạn công bố Báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét: Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng tối đa không quá 60 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.

*(Theo quy định tại Khoản 2 – Điều 14 Thông tư 96/2020/TT-BTC).*

##### **3. Báo cáo tài chính quý**

- a. Báo cáo tài chính quý phải là Báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán “Báo cáo tài chính giữa niên độ”, được lập theo quy định tại Điểm a – Khoản 1 Điều này.
- b. Toàn văn Báo cáo tài chính quý phải được công bố đầy đủ.

- c. Thời hạn công bố Báo cáo tài chính quý: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc quý.

*(Theo quy định tại Khoản 3 – Điều 14 Thông tư 96/2020/TT-BTC).*

**4. Công bố thông tin trong trường hợp không phải là ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính**

Trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét không phải là ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính hoặc báo cáo tài chính có điều chỉnh hồi tố, Công ty phải công bố thông tin về ý kiến kiểm toán, kết luận soát xét, kết quả điều chỉnh hồi tố Báo cáo tài chính trong thời hạn theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này.

*(Theo quy định tại Khoản 5 – Điều 11 Thông tư 96/2020/TT-BTC).*

**5. Giải trình khi công bố thông tin Báo cáo tài chính**

Khi công bố thông tin các Báo cáo tài chính nêu tại khoản 1, 2, 3 Điều này, Công ty phải đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong số các trường hợp sau:

- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;
- Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ; chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;
- Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại.

Do Công ty là Công ty mẹ của tổ chức khác nên phải giải trình nguyên nhân phát sinh các sự kiện nêu trên trên cơ sở Báo cáo tài chính của Công ty mẹ hoặc Báo cáo tài chính hợp nhất.

*(Theo quy định tại Khoản 3 và Khoản 5 – Điều 14 Thông tư 96/2020/TT-BTC).*

**6. Báo cáo thường niên**

Công ty lập Báo cáo thường niên theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC và công bố báo cáo này trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày công bố Báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Thông tin tài chính trong Báo cáo thường niên phải phù hợp với Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán.

*(Theo quy định tại Khoản 2 – Điều 10 Thông tư 96/2020/TT-BTC).*

**7. Báo cáo quản trị Công ty**

Báo cáo tình hình quản trị công ty thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm và kết thúc năm dương lịch.

*(Theo quy định tại Khoản 4 – Điều 10 Thông tư 96/2020/TT-BTC).*

Đối với Sở Giao dịch Chứng khoán, Công ty gửi ba (03) bản báo cáo, bao gồm:

- Một (01) bản báo cáo (file pdf) đầy đủ thông tin cá nhân (phục vụ công tác quản lý, giám sát).
- Một (01) bản báo cáo (file pdf) không bao gồm thông tin cá nhân (phục vụ công bố thông tin có tính bảo mật đối với thông tin cá nhân trên thị trường chứng khoán)

- c. Một (01) bản báo cáo (file excel) Danh sách Người nội bộ và Người có liên quan của Người nội bộ.

**8. Báo cáo Bản cung cấp thông tin về quản trị Công ty**

Công ty báo cáo Bản cung cấp thông tin về quản trị Công ty cho Sở GDCK Hà Nội trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm và kết thúc năm dương lịch.

Tài liệu bao gồm:

- a. Một (01) bản báo cáo theo Phụ lục II – Mẫu NY-02 kèm theo Quy chế Niêm yết và giao dịch chứng khoán niêm yết ban hành theo Quyết định số 17/QĐ-HĐTV ngày 31/3/2022 của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam.
- b. Dữ liệu điện tử theo mẫu của Sở GDCK Hà Nội

*(Theo quy định tại Điểm a – Khoản 1 – Điều 50 Quy chế Niêm yết và giao dịch chứng khoán niêm yết ban hành theo Quyết định số 17/QĐ-HĐTV ngày 31/3/2022 của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam).*

**9. Báo cáo Danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông lớn**

Công ty gửi báo cáo Danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông lớn tại thời điểm 6 tháng đầu năm và 6 tháng cuối năm dương lịch.

- Báo cáo 6 tháng đầu năm căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt tại thời điểm gần nhất trước ngày 30/6, gửi tới Sở GDCK chậm nhất là ngày 30/7;
- Báo cáo 6 tháng cuối năm căn cứ trên danh sách cổ đông chốt tại thời điểm gần nhất trước ngày 31/12, gửi tới Sở GDCK chậm nhất là ngày 30/01 năm tiếp theo, theo Mẫu 01\_CBTT/SGDHN kèm theo Quy chế CBTT tại Sở GDCK Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 606/QĐ-SGDHN ngày 29/9/2016 của TGD Sở GDCK Hà Nội.

*(Theo quy định tại Điểm c – Khoản 1 – Điều 10 của Quy chế CBTT tại Sở GDCK Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 606/QĐ-SGDHN ngày 29/9/2016 của TGD Sở GDCK Hà Nội)*

**10. Công bố thông tin định kỳ khi phát hành trái phiếu**

- a. Định kỳ 06 tháng và hàng năm theo năm tài chính cho đến khi trái phiếu đáo hạn, Công ty gửi nội dung công bố thông tin định kỳ cho nhà đầu tư sở hữu trái phiếu và Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.
- Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính, Công ty thực hiện công bố thông tin định kỳ 06 tháng.
  - Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Công ty thực hiện công bố thông tin định kỳ hàng năm.
- b. Nội dung công bố thông tin thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính và bao gồm các tài liệu sau:
- Báo cáo tài chính 06 tháng, báo cáo tài chính năm của Công ty đã được soát xét; Báo cáo tài chính năm chưa kiểm toán và Báo cáo tài chính 06 tháng chưa được soát xét phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị xác nhận số liệu. Trường hợp doanh nghiệp phát hành trái phiếu là công ty mẹ, Báo cáo tài chính công bố thông tin gồm Báo cáo tài chính hợp nhất và Báo cáo tài chính của công ty mẹ.
  - Tình hình thanh toán lãi, gốc trái phiếu.

- Báo cáo định kỳ 6 tháng, hàng năm về tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu đối với trái phiếu còn dư nợ được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán đủ điều kiện
- Báo cáo tình hình thực hiện các cam kết của Công ty đối với người sở hữu trái phiếu.

(Theo quy định tại Khoản 16 - Điều 1 Nghị định 65/2022/NĐ-CP ngày 16/9/2022 của Chính phủ)

## **Điều 12. Công bố thông tin bất thường**

1. Công ty công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện quy định tại Khoản 1 - Điều 11 của Thông tư 96/2020/TT-BTC và các hướng dẫn cụ thể sau:

a. Đối với thông tin công bố về thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ, Công ty thực hiện công bố thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục I (ban hành kèm theo Quyết định số 31/QĐ-HĐTV ngày 31/3/2026 về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế CBTT tại Sở GDCK Việt Nam và công ty con được ban hành kèm theo Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 của Tổng Giám đốc Sở GDCK Việt Nam) và gửi kèm Bản cung cấp thông tin người nội bộ mới theo Phụ lục III tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ thời điểm việc thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ có hiệu lực.

Đối với việc cung cấp thông tin của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ theo mẫu Phụ lục III Thông tư số 96/2020/TT-BTC:

- Công ty liệt kê đầy đủ thông tin về họ tên, mối quan hệ của tất cả người có liên quan của người nội bộ theo quy định pháp luật hiện hành (bao gồm cả trường hợp người có liên quan có sở hữu và không sở hữu cổ phiếu) tại Mục 16 mẫu Phụ lục III Thông tư số 96/2020/TT-BTC.
  - Trường hợp người liên quan không thực hiện cung cấp thông tin theo Mục 16, Công ty ghi chú tại trường số 17 Mục 16 Phụ lục III Thông tư số 96/2020/TT-BTC, Công ty ghi rõ “người liên quan không cung cấp thông tin”.
  - Trường hợp phát sinh thay đổi thông tin của người nội bộ và người có liên quan đã cung cấp theo Phụ lục III Thông tư số 96/2020/TT-BTC, Công ty báo cáo Sở Giao dịch Chứng khoán nơi có nghĩa vụ công bố thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quy chế CBTT được ban hành theo QĐ số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 của Sở GDCK VN.
- b. Đối với thông tin công bố về thay đổi nội dung trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động, Công ty thực hiện công bố thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Quy chế CBTT được ban hành theo QĐ số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 của Sở GDCK VN và gửi kèm bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động thay đổi.
- c. Công ty thực hiện đăng ký mô hình Công ty, loại báo cáo tài chính công bố thông tin khi đăng ký ngày giao dịch đầu tiên hoặc đăng ký thay đổi mô hình Công ty, loại báo cáo tài chính do tổ chức lại doanh nghiệp theo quy định tại Điểm e hoặc Điểm h - Khoản 1 - Điều 11 Thông tư số 96/2020/TT-BTC theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Quy chế CBTT được ban hành theo Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 của Sở GDCK VN.
- d. Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết, Công ty thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Điểm k - Khoản 1 - Điều 11 Thông tư số 96/2020/TT-BTC và

mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Quy chế CBTT được ban hành theo Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 của Sở GDCK VN.

- e. Đối với các thông tin công bố bất thường khác, Công ty thực hiện công bố thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Quy chế CBTT được ban hành theo Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 của Sở GDCK VN.

*(Theo quy định tại các Điểm a, b, c, d, đ – Khoản 2 – Điều 10 của Quy chế CBTT được ban hành theo Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 của Sở GDCK VN).*

2. Công ty công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện nêu tại Khoản 2 - Điều 15 của Thông tư 96/2020/TT-BTC.
3. Khi công bố thông tin theo quy định tại Khoản 1 – Điều 11 của Thông tư 96/2020/TT-BTC, Công ty phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có).

*(Theo quy định tại Khoản 2 – Điều 11 Thông tư 96/2020/TT-BTC).*

#### **4. Công bố thông tin liên quan đến Ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu**

- a. Tối thiểu 10 ngày trước Ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.

Trường hợp thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự họp Đại hội đồng cổ đông, công bố thông tin tối thiểu 20 ngày trước Ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.

*(Theo quy định tại Khoản 4 – Điều 11 Thông tư 96/2020/TT-BTC).*

- b. Công ty gửi cho Sở GDCK Hà Nội Tôm tắt số cổ đông tại Ngày đăng ký cuối cùng theo quy định của Trung tâm Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam trong thời hạn 15 ngày kể từ Ngày đăng ký cuối cùng.

*(Theo quy định tại Điểm c – Khoản 1 – Điều 50 Quy chế Niêm yết và giao dịch chứng khoán niêm yết ban hành theo Quyết định số 17/QĐ-HĐTV ngày 31/3/2022 của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam).*

#### **5. Công bố thông tin trong các trường hợp đặc biệt khác**

Sau khi thay đổi kỳ kế toán, Công ty công bố Báo cáo tài chính cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới.

*(Theo quy định tại Khoản 6 – Điều 11 Thông tư 96/2020/TT-BTC).*

#### **6. Công bố thông tin bất thường liên quan đến trái phiếu**

Trong vòng 24 giờ kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây, Công ty phải công bố thông tin bất thường cho nhà đầu tư sở hữu trái phiếu và gửi nội dung công bố thông tin cho Sở GDCK Hà Nội.

- a. Bị tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh, bị đình chỉ hoạt động hoặc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy phép có giá trị tương đương theo quy định của pháp luật, khi có Quyết định về việc tổ chức lại hoặc chuyển đổi doanh nghiệp.
- b. Có sự thay đổi về nội dung thông tin so với thông tin đã công bố khi chào bán trái phiếu làm ảnh hưởng đến khả năng trả nợ lãi, gốc trái phiếu.

- c. Thay đổi điều kiện, điều khoản của trái phiếu đã phát hành, thay đổi đại diện người sở hữu trái phiếu.
- d. Phải thực hiện mua lại trái phiếu trước hạn bắt buộc.
- e. Khi nhận được quyết định của cơ quan có thẩm quyền về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán hoặc bị xử lý vi phạm pháp luật theo quy định.

*(Theo quy định tại Điều 22 Nghị định 153/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và tại Khoản 17 – Điều 1 Nghị định 65/2022/NĐ-CP ngày 16/9/2022 của Chính phủ)*

### **Điều 13. Công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông**

#### **1. Về họp Đại hội đồng cổ đông thường niên**

- a. Công bố thông tin liên quan đến Ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự họp Đại hội đồng cổ đông, công bố thông tin tối thiểu 20 ngày trước Ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.

*(Theo quy định tại Khoản 4 – Điều 11 Thông tư 96/2020/TT-BTC)*

- b. Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và của UBCKNN, Sở GDCK Hà Nội về việc họp Đại hội đồng cổ đông, trong đó nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm:

- Thông báo mời họp;
- Chương trình họp;
- Phiếu biểu quyết;
- Tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung (nếu có).

- c. Biên bản họp, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên và tài liệu kèm theo trong biên bản, nghị quyết phải được công bố theo thời hạn quy định tại Điểm c – Khoản 1 – Điều 11 Thông tư 96/2020/TT-BTC

*(Theo quy định tại Khoản 3 – Điều 10 Thông tư 96/2020/TT-BTC).*

#### **2. Về họp Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản**

- a. Việc công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông bất thường thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều này.
- b. Trường hợp lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản, tối thiểu 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến, Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của mình, đồng thời gửi cho tất cả các cổ đông phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết.

*(Theo quy định tại Khoản 3 – Điều 11 Thông tư 96/2020/TT-BTC).*

#### **3. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị**

Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu

*(Theo quy định tại Khoản 1 – Điều 24 Điều lệ Công ty)*

**Điều 14. Công bố thông tin theo yêu cầu**

1. Trong các trường hợp sau đây, Công ty phải công bố thông tin trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, Sở GDCK nơi Công ty đăng ký giao dịch khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:
  - a. Sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;
  - b. Có thông tin liên quan đến Công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.
2. Nội dung thông tin công bố theo yêu cầu phải nêu rõ sự kiện được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của Công ty về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có).

**Điều 15. Công bố thông tin về các hoạt động khác**

**1. Công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn**

- a. Công ty khi thực hiện chào bán chứng khoán riêng lẻ, chào bán chứng khoán ra công chúng, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch thì thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán.

*(Theo quy định tại Khoản 1 – Điều 13 Thông tư 96/2020/TT-BTC).*

Công ty công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn theo quy định tại Khoản 1 Điều 13 – Thông tư 96/2020/TT-BTC và các quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ

*(Theo quy định tại Điểm a - Khoản 4 – Điều 10 của Quy chế CBTT được ban hành theo QĐ số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 của Sở GDCK VN).*

Các văn kiện khi chào bán, phát hành chứng khoán (gồm Bản cáo bạch; Bản Thông báo chào bán, phát hành chứng khoán; Báo cáo kết quả đợt chào bán, phát hành chứng khoán) thực hiện theo mẫu tại các Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 118/2020/TT-BTC theo từng trường hợp cụ thể.

- b. Công ty phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Điều 19 Thông tư 96/2020/TT-BTC.

*(Theo quy định tại Khoản 1 – Điều 13 của Quy chế CBTT được ban hành theo QĐ số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 của Sở GDCK VN).*

- Công bố thông tin trước đợt chào bán trái phiếu

Chậm nhất 01 ngày làm việc trước ngày phát hành trái phiếu, Công ty thực hiện công bố thông tin trước đợt chào bán cho các nhà đầu tư đăng ký mua trái phiếu và gửi nội dung công bố thông tin cho Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Nội dung công bố thông tin trước đợt chào bán thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

*(Theo quy định tại Khoản 14 – Điều 1 Nghị định 65/2022/NĐ-CP của Chính phủ)*

- Công bố thông tin về kết quả chào bán trái phiếu

Chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán trái phiếu, Công ty công bố thông tin về kết quả của đợt chào bán cho các nhà đầu tư sở hữu trái phiếu và gửi nội dung công bố thông tin đến Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội. Nội dung công bố thông tin thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Trường hợp Công ty chào bán không thành công hoặc hủy đợt chào bán trái phiếu, chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc phân phối trái phiếu, Công ty công bố thông tin và gửi nội dung công bố đến Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

*(Theo quy định tại Khoản 15 – Điều 1 Nghị định 65/2022/NĐ-CP của Chính phủ)*

**2. Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa và các thay đổi liên quan đến tỷ lệ sở hữu này**

Công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty, Sở Giao dịch Chứng khoán, Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

*(Theo quy định tại Khoản 2 – Điều 13 Thông tư 96/2020/TT-BTC).*

**3. Công bố thông tin về giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ**

Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, Công ty phải thực hiện công bố thông tin theo quy định pháp luật về việc mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ.

Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán giảm hơn 10% thì Công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết và công bố thông tin trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu.

*(Theo quy định tại Khoản 3 – Điều 13 Thông tư 96/2020/TT-BTC).*

**4. Công bố thông tin trong các trường hợp hủy tư cách công ty đại chúng**

a. Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong các trường hợp hủy tư cách công ty đại chúng theo quy định tại Khoản 1 Điều 8, Điều 9 và Điều 13 – Thông tư số 19/2025/TT-BTC ngày 05/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc đăng ký công ty đại chúng, hủy tư cách công ty đại chúng, báo cáo về vốn điều lệ đã góp được kiểm toán

*(Theo quy định tại Khoản 5 – Điều 1 – Quyết định số 31/QĐ-HĐTV ngày 31/3/2026 của Sở GDCK Việt Nam).*

b. Thời điểm bắt đầu thực hiện và chấm dứt việc công bố thông tin của công ty đại chúng quy mô lớn

- Công ty đại chúng thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của công ty đại chúng quy mô lớn theo quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC kể từ thời điểm có vốn góp của chủ sở hữu từ 120 tỷ đồng trở lên tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán.

- Trong thời hạn 01 năm kể từ ngày không còn là công ty đại chúng quy mô lớn theo quy định tại Khoản 1 Điều 3 Thông tư 96/2020/TT-BTC, công ty tiếp tục thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin như công ty đại chúng quy mô lớn theo quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC

*(Theo quy định tại Điều 18 - Thông tư 96/2020/TT-BTC).*

- Trong vòng 05 (năm) ngày làm việc trước ngày kết thúc thời hạn công bố thông tin quy định đối với Công ty đại chúng quy mô lớn, Công ty gửi thông báo đến Sở

GDCK nơi có nghĩa vụ công bố thông tin về việc kết thúc việc công bố thông tin theo quy định đối với Công ty đại chúng quy mô lớn theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Quy chế công bố thông tin theo Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 của Sở GDCK Việt Nam

*(Theo quy định tại Điểm b Khoản 5 Điều 11 - Quy chế CBTT được ban hành theo Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 của Sở GDCK Việt Nam)*

#### **CHƯƠNG 4 – CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC**

**Điều 16. Công bố thông tin của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty đại chúng; nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty**

1. Các đối tượng này công bố thông tin theo quy định tại Điều 31 – Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính và theo Điều 20 của Quy chế CBTT được ban hành theo Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 của Sở GDCK Việt Nam;
2. Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của các đối tượng được quy định tại Điều này.

*(Theo quy định tại Khoản 6 Điều 31 - Thông tư 96/2020/TT-BTC)*

**Điều 17. Công bố thông tin về giao dịch của Người nội bộ và Người có liên quan của Người nội bộ**

1. Các đối tượng này công bố thông tin theo quy định tại Điều 33 – Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính và theo Khoản 10 - Điều 1 của Quyết định 31/QĐ-HĐTV ngày 31/3/2026 của Sở GDCK Việt Nam về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế công bố thông tin tại Sở GDCK Việt Nam và công ty con ban hành kèm theo Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 của Tổng Giám đốc Sở GDCK Việt Nam.
2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được các báo cáo liên quan đến giao dịch chứng khoán của Người nội bộ và Người có liên quan theo quy định tại Điều này, Công ty phải công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty.

*(Theo quy định tại Khoản 7 Điều 33 - Thông tư 96/2020/TT-BTC)*

**Điều 18. Công bố thông tin về giao dịch chào mua công khai**

1. Tổ chức, cá nhân chào mua công khai, công ty mục tiêu và công ty quản lý quỹ đầu tư mục tiêu phải thực hiện công bố thông tin theo quy định pháp luật về chào mua công khai.

*(Theo quy định tại Điều 35 Thông tư số 96/2020/TT-BTC)*

2. Công bố thông tin về giao dịch chào mua công khai được thực hiện theo quy định tại:

- Chương II Mục 7 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;
- Mục 2 Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng (Thông tư số 118/2020/TT-BTC);
- Điều 35 Thông tư số 96/2020/TT-BTC;

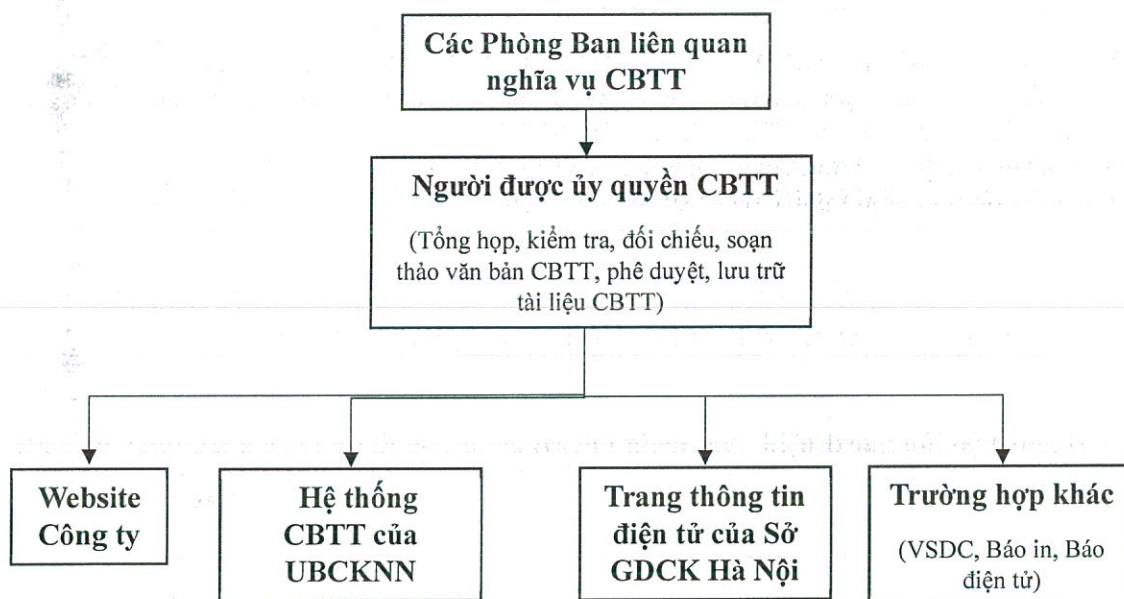
- Điều 23 của Quy chế CBTT được ban hành theo Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 của Sở GDCK Việt Nam;
- Khoản 11 Điều 1 - Quyết định số 31/QĐ-HĐ0TV ngày 31/3/2026 về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế CBTT tại Sở GDCK Việt Nam và công ty con được ban hành kèm theo Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 của Tổng Giám đốc Sở GDCK Việt Nam.

*(Theo quy định tại Điều 23 của Quy chế CBTT được ban hành theo Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 của Sở GDCK Việt Nam và Khoản 11 Điều 1 - Quyết định số 31/QĐ-HĐ0TV ngày 31/3/2026 về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế CBTT tại Sở GDCK Việt Nam và công ty con được ban hành kèm theo Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 của Tổng Giám đốc Sở GDCK Việt Nam)*

## CHƯƠNG 5 – QUY TRÌNH CBTT VÀ TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN

### Điều 19. Quy trình công bố thông tin và trách nhiệm thực hiện trong nội bộ Công ty

#### 1. Lưu đồ thực hiện



#### 2. Trách nhiệm thực hiện

##### a. Trách nhiệm của Người đại diện theo pháp luật:

- Chịu trách nhiệm cao nhất trong việc chỉ đạo, phê duyệt nội dung và thời điểm công bố thông tin;
- Đảm bảo toàn bộ thông tin công bố là đúng pháp luật, trung thực và đầy đủ.

##### b. Trách nhiệm của Người được ủy quyền công bố thông tin:

- Xây dựng Quy chế công bố thông tin dựa trên quy định pháp luật;

- Đầu mối tiếp nhận, tổng hợp, xử lý và thực hiện nghĩa vụ CBTT theo quy định tại Quy chế này;
- Kiểm tra tính chính xác, phù hợp của nội dung báo cáo, thông báo, thông tin công bố; thực hiện đối chiếu thông tin công bố với các quy định hiện hành về CBTT;
- Soạn thảo và gửi báo cáo, thông báo, thông tin công bố đến UBCKNN, Sở GD&ĐT và công bố công khai trên website của Công ty;
- Theo dõi lịch CBTT định kỳ để đốc thúc, phối hợp với các Phòng Ban thực hiện CBTT đúng hạn;
- Cập nhật kịp thời các quy định pháp luật liên quan và tham mưu cho Người đại diện theo pháp luật (Người thực hiện CBTT);
- Lập, lưu trữ danh sách, thông tin Người nội bộ và Người có liên quan của Người nội bộ và cập nhật thường xuyên mỗi khi có thay đổi;
- Chịu trách nhiệm trước HĐQT, Người đại diện theo pháp luật về việc thực hiện CBTT.

**c. Trách nhiệm của Ban Tài chính Kế toán:**

- Lập và cung cấp BCTC quý, bán niên, năm để CBTT đúng hạn theo quy định;
- Đảm bảo công tác soát xét BCTC bán niên và kiểm toán BCTC năm hoàn tất đúng hạn để CBTT đúng hạn;
- Phối hợp cung cấp thông tin, thuyết minh, giải trình số liệu và chênh lệch lợi nhuận để phục vụ công tác CBTT BCTC.
- Đảm bảo thời gian theo yêu cầu của Người được ủy quyền CBTT để Người được ủy quyền CBTT có đủ thời gian thực hiện chức trách CBTT của mình;

**d. Trách nhiệm của các Phòng Ban liên quan:**

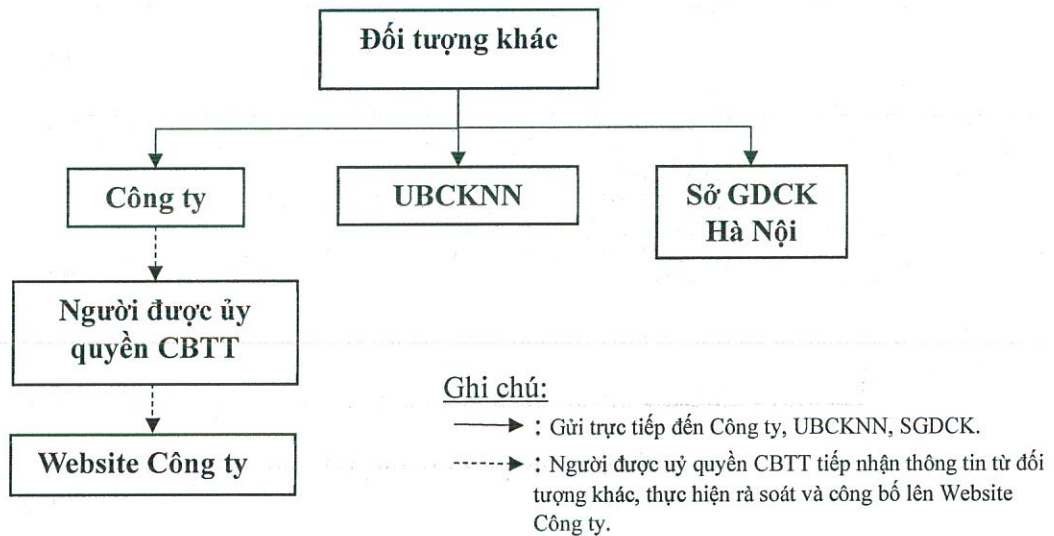
- Phối hợp cung cấp thông tin ngay khi có sự thay đổi nhân sự là Người nội bộ, về các sự kiện bất thường có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính hoặc giá cổ phiếu (thí dụ đầu tư, thoái vốn, bán tài sản, dự án lớn, sự cố pháp lý,...) hoặc tình hình quản trị của Công ty;
- Thực hiện đúng Quy chế CBTT;
- Cung cấp thông tin theo yêu cầu của Người được ủy quyền CBTT phục vụ công tác CBTT liên quan;
- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, kịp thời của các thông tin bất thường cung cấp cho Người được ủy quyền CBTT, đảm bảo cung cấp thông tin cho Người được ủy quyền CBTT trong vòng 12 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện để Người được ủy quyền CBTT có đủ thời gian thực hiện chức trách CBTT của mình;

**e. Trách nhiệm của Ban Kiểm toán nội bộ / Ủy ban kiểm toán**

- Kiểm tra, giám sát việc CBTT tuân thủ quy định pháp luật về CBTT;
- Đảm bảo nội dung công bố không sai lệch, đặc biệt với các thông tin liên quan đến quản trị công ty, giao dịch với bên liên quan;
- Đưa ra kiến nghị nếu phát hiện rủi ro pháp lý liên quan đến CBTT.

**Điều 20. Quy trình công bố thông tin đối với đối tượng khác** (Các đối tượng khác nêu tại Khoản 2 – Điều 2 Quy chế này)

**1. Lưu đồ thực hiện**



**2. Hình thức thực hiện:**

- Thực hiện trao đổi với Công ty qua email của Ban Quan hệ cổ đông.
- Gửi văn bản giấy đến Ban Quan hệ cổ đông theo thông tin sau:

Người nhận: Người được ủy quyền CBTT

Địa chỉ: 01 Ngô Gia Tự, Khóm 1, Phường Long Xuyên, Tỉnh An Giang

**3. Phương thức thực hiện:**

- Khi cổ đông, nhà đầu tư cần tìm hiểu về thông tin cần công bố, Người được ủy quyền CBTT chịu trách nhiệm trả lời các thông tin phải công bố cho cổ đông, nhà đầu tư;
- Người được ủy quyền CBTT lập, lưu trữ các thông tin Công ty tiếp nhận từ các đối tượng có nghĩa vụ công bố, cập nhật danh sách cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành để theo dõi nghĩa vụ CBTT.

## CHƯƠNG 6 - SỬA ĐỔI QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN

**Điều 21. Bổ sung và sửa đổi Quy chế công bố thông tin**

1. Việc bổ sung hoặc sửa đổi Quy chế này phải được Hội đồng quản trị Công ty xem xét và quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động CBTT của Công ty chưa được đề cập trong bản quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động CBTT của Công ty.

## CHƯƠNG 7 - NGÀY HIỆU LỰC

### Điều 22. Ngày hiệu lực

1. Quy chế này gồm 7 Chương, 22 Điều được Hội đồng quản trị Công ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu An Giang nhất trí thông qua ngày 01 tháng 06 năm 2026 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy chế này.
2. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang ban hành Quyết định và thay thế Quy chế công bố thông tin ban hành theo Quyết định số 668/QĐ-HĐQT ngày 11/9/2018 của Hội đồng quản trị.
3. Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang và các đối tượng CBTT khác sở hữu cổ phiếu AGM chịu trách nhiệm thực hiện Quy chế CBTT này.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



Lương Đức Tâm